

Số: 175 /QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực khóa 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-LĐTBXH ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-BGDĐT ngày 28/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Lao động - Xã hội đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 440/QĐ-ĐHLĐXH ngày 03/5/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định cụ thể hoá Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1457/QĐ-ĐHLĐXH ngày 01/11/2012 và Quyết định số 154/QĐ-ĐHLĐXH ngày 23/01/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc công nhận thí sinh trúng tuyển cao học năm 2012;

Căn cứ Biên bản họp ngày 20/01/2015 của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực năm 2014;

Xét đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực cho 89 học viên cao học khóa 2 của Trường Đại học Lao động – Xã hội (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ, Trưởng khoa Sau đại học, trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website trường;
- Lưu: VT, SDH.



TS. Hà Xuân Hùng

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 2
Được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực

(Kèm theo quyết định số 175.../QĐ-ĐHLDXH ngày 22 tháng 01 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội

TT	Mã số học viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 10	Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	QT02001	Dương Thị Ngọc Anh	Nữ	07/7/1987	Hải Dương	8,17	8,50
2	QT02081	Lưu Quỳnh Anh	Nữ	13/12/1988	Thanh Hóa	7,43	8,75
3	QT02002	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	17/8/1985	Hà Nội	7,76	8,80
4	QT02003	Trần Hoàng Anh	Nữ	09/3/1989	Nam Định	7,22	8,00
5	QT02004	Đỗ Thị Bích	Nữ	10/9/1990	Bắc Giang	8,20	8,80
6	QT02005	Vũ Thị Thu Chiêm	Nữ	21/8/1988	Hải Dương	7,74	9,20
7	QT02006	Bùi Đức Chiến	Nam	24/4/1987	Thái Bình	7,68	8,50
8	QT02007	Dương Thị Kim Cúc	Nữ	27/02/1990	Hưng Yên	8,36	9,00
9	QT02008	Nguyễn Đức Cường	Nam	04/6/1985	Hà Nội	7,88	9,50
10	QT02009	Ngô Thị Dung	Nữ	15/10/1984	Hà Nội	8,12	9,20
11	QT02010	Nguyễn Đăng Dũng	Nam	15/10/1985	Thanh Hóa	7,69	9,00
12	QT02082	Phạm Tiến Dũng	Nam	10/8/1964	Hòa Bình	7,20	9,30

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
13	QT02011	Lê Thùy	Dương	Nữ	31/3/1990	Hải Dương	7,44	8,80
14	QT02013	Nguyễn Xuân	Đỗ	Nam	29/10/1988	Hà Nội	7,31	7,50
15	QT02015	Nguyễn Văn	Được	Nam	07/5/1990	Bắc Giang	7,50	7,50
16	QT02016	Trần Văn	Được	Nam	28/9/1990	Ninh Bình	7,38	8,80
17	QT02017	Hoàng Trường	Giang	Nam	14/9/1990	Nam Định	7,94	8,50
18	QT02018	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	10/10/1988	Bắc Giang	7,77	9,20
19	QT02083	Đinh Thị Thu	Hà	Nữ	07/9/1989	Hà Nam	7,29	8,80
20	QT02020	Đỗ Thị	Hà	Nữ	21/5/1988	Thanh Hóa	7,53	8,75
21	QT02021	Hoàng Thị	Hà	Nữ	16/01/1985	Hà Nội	7,35	9,00
22	QT02022	Hoàng Thị Cẩm	Hà	Nữ	12/10/1982	Hà Tĩnh	7,62	9,00
23	QT02023	Lê Thị Hải	Hà	Nữ	06/9/1989	Thanh Hóa	7,88	8,88
24	QT02025	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	01/9/1980	Phú Thọ	7,59	9,00
25	QT02085	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	16/12/1990	Yên Bái	7,40	8,80
26	QT02026	Mai Thị	Hiên	Nữ	15/9/1987	Thanh Hóa	8,07	8,00
27	QT02027	Lương Thị Thu	Hiên	Nữ	10/5/1988	Thái Bình	7,82	8,50
28	QT02087	Nguyễn Thị Thu	Hiên	Nữ	15/7/1988	Hòa Bình	7,71	8,30
29	QT02088	Nguyễn Trọng	Hiệp	Nam	26/6/1990	Hưng Yên	7,12	9,20
30	QT02028	Trần Trung	Hiếu	Nam	27/6/1990	Hà Nội	7,84	8,80
31	QT02030	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	30/6/1989	Tuyên Quang	7,98	9,00
32	QT02089	Trần Thị Minh	Hoà	Nữ	04/5/1986	Nghệ An	7,78	9,00
33	QT02031	Đoàn Thị Thu	Hồng	Nữ	27/11/1985	Hà Nội	7,39	8,50
34	QT02032	Nguyễn Minh	Huệ	Nữ	13/9/1990	Bắc Giang	7,90	8,30
35	QT02033	Nguyễn Thanh	Huệ	Nữ	08/5/1990	Hải Phòng	7,84	8,88
36	QT02034	Chu Thị Thu	Hương	Nữ	03/9/1990	Hưng Yên	7,76	8,50

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
37	QT02090	Lê Thị	Hương	Nữ	10/3/1981	Nam Định	7,46	8,50
38	QT02091	Trần Thị Lan	Hương	Nữ	23/01/1987	Hải Dương	7,98	9,20
39	QT02035	Võ Thị	Hương	Nữ	27/5/1980	Hòa Bình	7,74	8,80
40	QT02092	Lộ Xuân	Huy	Nam	07/6/1980	Hà Nội	7,38	9,00
41	QT02036	Nguyễn Bá	Huy	Nam	09/4/1985	Bắc Giang	7,80	8,00
42	QT02039	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/01/1990	Lạng Sơn	7,29	8,50
43	QT02093	Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	29/11/1987	Hà Nam	7,78	9,00
44	QT02037	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/7/1989	Hà Giang	8,08	9,20
45	QT02038	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/11/1990	Bắc Ninh	7,98	9,10
46	QT02040	Vũ Ngọc	Lan	Nữ	18/5/1989	Hải Dương	7,50	8,50
47	QT02094	Đoàn Tố	Linh	Nữ	02/9/1990	Phú Thọ	7,55	8,80
48	QT02041	Hoàng Thị Mỹ	Linh	Nữ	27/5/1990	Nghệ An	7,57	9,00
49	QT02042	Vũ Thị Hà	Linh	Nữ	15/7/1989	Hưng Yên	7,77	8,80
50	QT02043	Trần Tố	Loan	Nữ	05/8/1985	Hà Nội	7,58	9,00
51	QT02044	Trịnh Văn	Lộc	Nam	30/12/1987	Hải Phòng	7,82	8,00
52	QT02095	Đào Phúc	Lợi	Nữ	19/11/1989	Yên Bái	7,64	9,00
53	QT02046	Bùi Thị	Luyện	Nữ	13/7/1989	Quảng Ninh	7,50	8,00
54	QT02047	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	25/7/1990	Nghệ An	7,78	8,80
55	QT02096	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	19/02/1982	Nha Trang	7,76	9,00
56	QT02097	Phạm Ngọc	Mỹ	Nữ	31/7/1988	Hà Nội	7,79	9,00
57	QT02048	Lê Hoàng	Nam	Nam	25/7/1985	Hà Tĩnh	6,58	8,50
58	QT02050	Nguyễn Hoàng	Nga	Nữ	06/11/1977	Hà Nội	7,58	9,30
59	QT02051	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	Nữ	07/9/1990	Hải Phòng	7,56	8,00
60	QT02052	Nguyễn Hoàng	Ngân	Nữ	26/11/1975	Hà Nội	7,76	9,20

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
61	QT02053	Khúc Thị	Nhân	Nữ	08/6/1983	Hưng Yên	7,72	8,80
62	QT02054	Nguyễn Thị	Nước	Nữ	14/4/1971	Bắc Ninh	7,80	9,00
63	QT02055	Phạm Kim	Oanh	Nữ	29/10/1990	Nam Định	7,69	8,80
64	QT02056	Lại Như	Phượng	Nữ	27/9/1990	Hà Nam	7,82	9,00
65	QT02057	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	16/02/1990	Ninh Bình	8,05	8,70
66	QT02059	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	10/5/1988	Thái Bình	7,34	8,80
67	QT02098	Nguyễn Trung	Thành	Nam	02/10/1986	Bungari	7,54	8,50
68	QT02060	Đỗ Thị	Thảo	Nữ	29/12/1989	Hà Nội	7,32	9,00
69	QT02061	Trần Kim	Thoa	Nữ	19/3/1988	Lạng Sơn	7,40	9,00
70	QT02062	Phan Thị	Thương	Nữ	29/6/1987	Nghệ An	7,39	8,50
71	QT02064	Trần Thị Thanh	Thùy	Nữ	05/7/1981	Thái Bình	8,16	9,00
72	QT02099	Đỗ Thị Thanh	Thủy	Nữ	11/01/1986	Hà Nội	7,79	8,00
73	QT02063	Vũ Thị	Thúy	Nữ	22/5/1990	Hưng Yên	8,04	8,60
74	QT02065	Trương Thị Thanh	Thủy	Nữ	24/4/1987	Ninh Bình	7,87	9,30
75	QT02100	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	29/11/1990	Nam Định	7,40	8,20
76	QT02066	Đinh Thu	Trang	Nữ	19/4/1990	Hà Nội	7,77	9,00
77	QT02067	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	03/6/1988	Hà Nội	7,98	8,30
78	QT02068	Nguyễn Thị Thủy	Trang	Nữ	13/5/1990	Hưng Yên	7,70	8,40
79	QT02069	Phạm Thị Thủy	Trang	Nữ	22/12/1988	Thanh Hóa	7,83	8,50
80	QT02070	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	13/3/1989	Ninh Bình	7,40	8,75
81	QT02072	Ngô Anh	Tử	Nam	04/11/1977	Hà Nội	7,94	8,50
82	QT02073	Đặng Thanh	Tùng	Nam	14/5/1990	Hưng Yên	7,28	8,80
83	QT02074	Ngô Sơn	Tùng	Nam	29/7/1987	Hòa Bình	7,48	8,50
84	QT02075	Hà Mạnh	Tường	Nam	01/9/1988	Hà Nội	6,36	9,20

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
85	QT02076	Nguyễn Thị	Tuyền	Nữ	26/02/1988	Bắc Giang	7,55	8,80
86	QT02077	Lê Thị	Tuyền	Nữ	02/10/1978	Hưng Yên	7,79	8,50
87	QT02078	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	06/02/1988	Thanh Hóa	7,70	8,75
88	QT02079	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	Nữ	13/12/1988	Hòa Bình	7,19	9,00
89	QT02080	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	03/11/1987	Thái Bình	7,85	9,00

Danh sách có: 89 học viên

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hà Xuân Hùng